

Bản án số : 942/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 09/08/2018

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
2/- Ông Bùi Nam Từ

Thư ký phiên tòa : Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Q3,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa :
Bà Lê Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1530/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 173/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/07/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Kim A sinh năm 1975.

Địa chỉ : X đường Y, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn :

Bà Hoàng C – Luật sư thuộc đoàn luật sư TP.HCM.

Bị đơn : Ông Trần B sinh năm 1973.

Địa chỉ : X đường Y, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày : Bà tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Trần B tại Ủy ban nhân dân Phường U, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số XX , quyền số YY cấp ngày 13/02/1995. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Công B sinh 23/02/1996 và Trần Danh C sinh 27/9/1997. Thời gian đầu cuộc sống chung có hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp , thường gây gổ, cãi vã làm cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bà đã muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân từ lâu

nhưng do sợ ảnh hưởng đến con cái, sợ việc ly hôn sẽ tác động đến tâm lý phát triển của con. Nay do 2 con đã trưởng thành, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với nhau không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Công B sinh 23/02/1996 và Trần Danh C sinh 27/9/1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không ghi nhận được ý kiến gì từ phía ông B.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông B vì xét thấy hai bên hiện đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với nhau không còn. Theo bà A giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên không khí gia đình trở nên nặng nề, không còn khả năng để hàn gắn, bản thân ông B cũng không có thiện chí hàn gắn chuyện gia đình.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Luật sư Hoàng C trình bày một số tình tiết, chứng cứ và quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kim A.

Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 09/1995, quyền số 01 ngày 13/02/1995 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận 1, TP.HCM cấp thì bà Nguyễn Thị Kim A và ông Trần B có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ văn bản trả lời trả xác minh của Công an P.T, Q.3 thì ông Trần B hiện cư trú tại Quận 3.

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A thuộc tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Xét ông Trần B đã được Toà án thông báo và triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2, nhưng không có mặt nên Toà án căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Bà A yêu cầu ly hôn vì giữa bà và ông B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do ông B sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, cộng thêm bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc và trách nhiệm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc sống chung.

Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Nhận thấy các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà A cho thấy giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến nay cũng không có những biện pháp giải quyết các bất đồng, sống không có trách nhiệm và quan tâm chăm sóc nhau, không thể hiện hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm đến nhau.

Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập ông B đến Tòa án để làm việc và hòa giải nhiều lần theo luật định nhưng ông B biết mà vẫn không đến Tòa án để dự các phiên hòa giải, tại phiên tòa hôm nay, ông B vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông B thiếu thiện chí hàn gắn những bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, để mặc cho Tòa án muốn xử sao thì xử, không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình và không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Như vậy, hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung : Ông B, bà A có 02 con chung là Trần Công B sinh 23/02/1996 và Trần Danh C sinh 27/9/1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí : Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án thì bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

- *Về quan hệ vợ chồng* : Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Trần Siêu Kỳ Công.

- *Về con chung* : Bà A và ông B có 02 con chung là Trần Công B sinh 23/02/1996 và Trần Danh C sinh 27/9/1997 đã trưởng thành.

- *Về tài sản* : Không giải quyết về tài sản.

2. Về án phí : Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019811 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;
- UBND P. U, Q.1
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Ngọc